TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/KDTM-PT
Ngày 25 – 8 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuấn, ông Trần Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Ban - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLPT-KDTM ngày 06/11/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng".

Do có kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH LP đối với Bản án sơ thẩm số: 10/2020/DS-ST ngày 11/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần HN. Địa chỉ: Số 41 đường T, phường TC, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Duy L, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 27 đường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH LP. Địa chỉ: Số 161 đường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc Đ – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Thị Thu H, địa chỉ: Số 65 đường D, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Huỳnh Văn H1, sinh năm 1964; địa chỉ: Hẻm 120 đường C, phường ET, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3.2. Công ty TNHH đầu tư xây lắp đặt công trình TM; địa chỉ: Số 31 đường N, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**** Người kháng cáo:*** Bị đơn Công ty TNHH LP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/3/2013, Công ty cổ phần HN (sau đây viết tắt là Công ty HN) ký hợp đồng thi công xây dựng công trình gói thầu số 3: Thi công xây dựng đoạn Km 1808 đến 1810 thuộc dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn KM 1793 + 600 đến KM 1824 tỉnh Đắk Nông với Công ty TNHH LP (sau đây viết tắt là Công ty LP).

Theo thỏa thuận trong hợp đồng hai bên đã ký thì bên B (Công ty HN) được hưởng 98% theo giá trị công trình hoàn thành được chủ đầu tư Công ty TNHH đầu tư xây dựng lắp đặt công trình TM (sau đây viết tắt là Công ty TM) chấp nhận thanh toán, thời hạn thanh toán là 20 ngày kể từ ngày nghiệm thu khối lượng công trình.

Giá trị công trình hoàn thành theo hợp đồng ký kết giữa hai bên đã được chủ đầu tư phê duyệt là 12.099.608.000 đồng.

Công ty HN được hưởng giá trị theo hợp đồng ký kết với Công ty LP là 12.099.608.000 đồng x 98 % = 11.857.615.840 đồng.

Trong đó:

- Phần nền đường: 5.292.219.372 đồng.
- Phần mặt đường: 4.104.571.700 đồng.
- Phần cống nước: 1.286.688.410 đồng.
- Phần phụ trợ phục vụ thi công + chi phí khác: 697.830.426 đồng.
- Điều chỉnh trượt giá: 344.153.096 đồng.

Khối lượng công trình do Công ty HN thực hiện hoàn thành nêu trên đã được chủ đầu tư nghiệm thu và phê duyệt quyết toán.

* Đối với phần khối lượng phát sinh do Công ty HN và Công ty LP làm chung:

Giá trị hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng, chủ đầu tư phê duyệt quyết toán: 4.476.358.373 đồng trong đó:

- Chi phí vật liệu: 1.271.527.920 đồng (công ty phải thực hiện khấu trừ).
- Chi phí máy + nhân công: 1.073.699.886 đồng + 109.456.060 đồng (tiền nhiên liệu Công ty LP cung cấp).
- Chi phí trực tiếp tại công trường: 466.256.170 đồng.
- Chi phí quản lý chung và thuế GTGT (3% trên giá trị phát sinh + 10% thuế GTGT) = 529.024.171 đồng.
- Chênh lệch sau khi trừ chi phí: 4.476.358.373 đồng – 3.449.964.207 đồng

= 1.026.394.166 đồng.

- Công ty HN được hưởng 50% khấu trừ thuế GTGT trên chi phí vật liệu mua vào đã có Công ty LP mua chưa khấu trừ là 57.796.000 đồng (giá trị trước thuế của 1.271.527.920 đồng là 1.155.934.473 x 10% = 115.593.447 đồng).

Công ty HN còn được hưởng 50% giá trị chênh lệch: 567.925.113 đồng.

Công ty LP phải thanh toán cho Công ty HN là 11.857.615.840 + 567.925.113 đồng = 12.425.540.953 đồng.

Phần Công ty LP đã thanh toán cho Công ty HN qua 03 lần tổng cộng là 5.608.466.283 đồng.

Phần khối lượng giá trị Công ty HN đã thực hiện, hoàn thành theo hợp đồng hai bên đã ký kết Công ty LP còn nợ Công ty HN là 12.425.540.953 đồng - 5.608.466.283 = 6.817.074.670 đồng.

Yêu cầu Công ty LP thanh toán số tiền nợ gốc là 6.817.074.670 đồng và lãi chậm trả trên số nợ gốc theo lãi suất ngân hàng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty LP thì nguyên đơn cho rằng hợp đồng này hai bên đã ký kết từ năm 2009 và không liên quan đến hợp đồng năm 2013 mà chúng tôi đang khởi kiện và hiện nay thời hiệu khởi kiện hợp đồng này đã không còn nên nguyên đơn không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn.

2. Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Năm 2013, Công ty LP và Công ty HN có ký hợp đồng số 01/2013/HĐXL ngày 20/12/2013 v/v "Thi công gói thầu số 03 xây dựng đoạn Km1808 đến km1810 dự án đầu tư nâng cấp quốc lộ 14 thuộc dự án đường Hồ Chí Minh". Theo Hợp đồng này công ty HN có trách nhiệm thi công xây dựng công trình theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần thay đổi được chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả trong hồ sơ yêu cầu của chủ đầu tư; hồ sơ đề xuất của nhà thầu được chủ đầu tư chấp thuận và biên bản đàm phán hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thoả thuận khác trong hợp đồng. Bên B (Công ty HN) được hưởng 98% theo đơn giá của chủ đầu tư thanh toán những công việc mà bên B thi công bao gồm các loại thuế (Bên B xuất hoá đơn cho bên A để bên A xuất hoá đơn cho chủ đầu tư). Hợp đồng là giá cố định.

Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu hàng tháng nhân với đơn giá đã điều chỉnh nhân với 92% (để lại 5% bảo hành và 3% chờ duyệt). Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của công ty HN, Công ty LP có trách nhiệm thanh toán cho công ty HN.

Sau khi ký hợp đồng, công ty LP đã bàn giao công trình cho công ty HN để thực hiện công việc theo cam kết trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, hai bên đã tiến hành đối chiếu và quyết toán 03 lần, cụ thể:

* Lần 1:

Ngày 29/8/2014, hai bên tiến hành đối chiếu và quyết toán số lượng thì tổng khối lượng công việc mà Công ty HN đã thực hiện đợt 1 là 3.616.090.000 đồng. Hai bên thống nhất:

Tiền bảo lãnh giữ lại 5% và chờ duyệt quyết toán 5% = 10%.

Công ty HN còn được thanh toán: 3.254.481.000 đồng.

Số tiền Công ty HN đã ứng và chi phí mà Công ty LP phải chi trả trong phần hạng mục công trình đã thực hiện được quyết toán là 3.106.549.390 đồng.

Công ty LP còn phải thanh toán cho công ty HN số tiến 147.931.610 đồng.

Ngày 5/9/2014, Công ty LP đã chuyển trả cho công ty HN số tiền 147.930.000 đồng.

* Lần 2:

Ngày 14/11/2014, hai bên tiến hành đối chiếu và quyết toán số lượng thì tổng khối lượng công việc mà công ty HN đã thực hiện đợt này là 3.070.908.000 đồng.

Tiền bảo lãnh giữ lại 5% và chờ duyệt quyết toán 5% = 10%.

Số tiền công ty HN đã ứng và chi phí mà Công ty LP phải chi trả trong phần hạng mục công trình đã thực hiện được quyết toán là 2.111.381.000 đồng.

Công ty LP còn phải thanh toán cho công ty HN số tiền 652.436.000 đồng và đã thanh toán đủ số tiền này, cụ thể:

Ngày 14/11/2014, Công ty LP đã chuyển trả cho công ty HN số tiền 442.084.000 đồng.

Ngày 17/11/2014, Công ty LP đã chuyển trả cho công ty HN số tiền 210.352.000 đồng.

* Lần 3:

Ngày 04/02/2015, sau khi đối chiếu và quyết toán số lượng thì tổng khối lượng công việc mà công ty HN đã thực hiện đợt này là 2.228.981.000 đồng.

Số tiền công ty HN đã ứng và chi phí mà Công ty LP phải chi trả trong phần hạng mục công trình đã thực hiện được quyết toán là 1.633.476.754 đồng.

Công ty LP còn phải thanh toán cho công ty HN số tiến 595.504.246 đồng.

Ngày 05/2/2015, Công ty LP đã chuyển trả cho công ty HN số tiền 595.504.246 đồng.

Như vậy, tổng số khối lượng công việc công ty HN đã thực hiện theo hợp đồng được đối chiếu xác nhận qua 03 đợt là 8.915.979.000 đồng. Trong đó tiền bảo lãnh công trình bị giữ lại 5% tương ứng 445.798.950 đồng. Tiền chờ duyệt quyết toán 02 lần là (180.804.500đ + 153.545.400đ) = 334.329.900 đồng.

Số tiền mà công ty HN còn được nhận theo phần công việc đã hoàn thành được nghiệm thu là 8.135.850.150 đồng.

Tổng số tiền mà Công ty LP đã thanh toán cho công ty HN theo 03 đợt đối chiếu quyết toán số lượng là 8.247.279.000 đồng.

Ngoài 03 lần hai bên đối chiếu và quyết toán trên, giữa hai bên không có bất cứ lần đối chiếu nào khác, công ty HN cũng không có bất cứ văn bản, hồ sơ nào để yêu cầu Công ty LP phải xác nhận công việc hoặc thanh toán số tiền nào khác.

Tiền trích trả 2% cho Công ty LP: Theo Hợp đồng công ty HN chỉ được nhận 98% giá trị của hợp đồng, 2% là của công ty LP. Tuy nhiên, qua 03 đợt đối chiếu, công ty HN chưa trích trả lại cho Công ty LP số tiền tổng cộng công ty HN phải trích lại cho Công ty LP là 8.915.979.000 x 2% = 178.319.580 đồng.

Số tiền mà công ty HN đề nghị Công ty LP thanh toán theo Hợp đồng này (Hoá đơn giá trị gia tăng): 7.823.766.420 đồng.

- Hoá đơn số 0000062 ngày 20/10/2014: 4.589.557.382 đồng;
- Hoá đơn số 0000063 ngày 01/11/2014: 1.049.807.658 đồng;
- Hoá đơn số 0000070 ngày 04/02/2015: 2.184.401.380 đồng.

Như vậy, Công ty LP đã thanh toán vượt so với đề nghị thanh toán của công ty HN là: 8.247.279.000 đồng - 7.823.766.420 đồng = 423.512.580 đồng và vượt so với phần công việc công ty HN đã thực hiện và được hai bên thống nhất nghiệm thu là: 8.247.279.000 đồng - 8.135.850.150 đồng = 111.428.850 đồng.

Sau khi đã nhận đủ số tiền quyết toán do hai bên thống nhất, Công ty LP còn cho công ty HN ứng tổng số tiền như sau:

- Tiền máy ủi: 11.300.000 đồng; Công ty HN không thực hiện san ủi lại mặt bằng trả cho dân nên Công ty LP phải cho máy ủi làm và trả tiền san ủi.
- Tạm ứng tiền mặt: 200.000.000 đồng (ông T – Giám đốc công ty HN nhận ngày 23/01/2017);
- Tiền ca máy LP trả dư: 25.941.974 đồng;
- Tiền ứng chi phí: 80.000.000 đồng (ngày 27/4/2015);
- Tiền tạm ứng: 180.000.000 đồng (ngày 8/6/2015);

Tổng cộng: 497.241.974 đồng.

* Thiệt hại mà công ty HN gây ra cho Công ty LP do không xuất hoá đơn kịp thời.

Tổng số tiền công ty HN phải xuất hoá đơn cho Công ty LP theo Hợp đồng này là 8.915.979.000 đồng – 178.319.580 đồng = 8.737.659.420 đồng, công ty HN mới xuất hoá đơn cho Công ty LP với tổng số tiền theo hoá đơn là 7.823.766.420 đồng, còn thiếu tiền hoá đơn là 8.737.659.420 đồng - 7.823.766.420 đồng = 913.893.000 đồng, tương ứng tiền thuế mà công ty HN phải bồi thường cho Công ty LP như sau:

+ Thuế giá trị gia tăng: 913.893.000 đồng x 10% = 91.389.300 đồng.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp: 913.893.000 đồng x 22% = 201.056.460 đồng.

Công ty LP đã nhiều lần yêu cầu công ty HN phải trả phần hoá đơn còn thiếu này nhưng vẫn không được chấp nhận, hết hạn quyết toán thuế theo quy định của pháp luật, Công ty LP đã phải nộp số tiền thuế trên vào ngân sách Nhà nước.

* Số tiền công ty HN còn nợ Công ty LP chưa khấu trừ:

Ngày 16/02/2011, Công ty LP và công ty HN tiến hành đối chiếu xác nhận nợ, theo đó tính đến ngày 16/02/2011 công ty HN còn nợ Công ty LP số tiền 1.899.574.000 đồng, lãi suất tính theo lãi vay thực tế của Công ty LP vay tại Ngân hàng NT - chi nhánh Đắk Lắk kể từ ngày 17/2/2011 đến khi tiền công trình về.

Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng giữa Công ty LP và Ngân hàng NT - chi nhánh Đắk Lắk thì công ty HN phải trả lãi suất 15,5%/năm cho khoản nợ xác nhận ngày 16/2/2011. Thời gian tính lãi từ ngày 17/2/2011 đến ngày 17/03/2017 (06 năm, 01 tháng).

Tiền lãi phát sinh từ ngày 17/2/2011 đến ngày 17/03/2017 (06 năm, 01 tháng = 73 tháng) = (1.899.574.000 đồng x 15,5%)/12 x 73 tháng = 1.791.139.984 đồng.

Ngày 19/8/2014 công ty HN trả cho Công ty LP tiền lãi là 400.000.000 đồng.

Tiền lãi còn phải trả: 1.791.139.984 đồng – 400.000.000 đồng = 1.391.139.984 đồng.

Tháng 03/2017 chủ đầu tư chuyển trả 2.341.000.000 đồng (tiền công trình về).

Trừ tiền lãi: 2.341.000.000 đồng – 1.391.139.984 đồng = 949.860.016 đồng

Trừ tiền gốc: 1.899.574.000 đồng - 949.860.016 đồng = 949.713.984 đồng

Sau khi khấu trừ số nợ trên thì tính đến ngày 17/6/2017, công ty HN còn nợ Công ty LP số tiền cụ thể:

Lãi: 0 đồng;

Gốc: 949.713.984 đồng

Lãi suất phát sinh từ ngày 17/3/2017 đến nay (tạm tính 17/6/2019 là 27 tháng) = (949.860.016 đồng x 15,5%)/12 tháng x 27 tháng = 331.212.752 đồng.

Như vậy, riêng khoản vay này công ty HN còn nợ Công ty LP cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/6/2019 là 1.280.926.736 đồng.

Tiền công trình về tháng 03/2017, do vậy công ty HN có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ khoản nợ này cho công ty LP từ ngày tiền về. Tuy nhiên, đến nay Công ty HN vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả khoản vay trên cho chúng tôi.

Ngoài ra, công ty HN còn phải trả cho Công ty LP số tiền sau theo Hợp đồng này:

- Chi phí công trình và chi phí làm chung 3% theo Hợp đồng: 374.287.980 đồng;

- Thuế VAT xuất thiếu so với giá trị thực hiện: (12.476.266.000đ – 9.768.000.000đ) x 10% = 226.684.000 đồng;

- Thuế thu nhập Công ty LP phải nộp do Công ty HN xuất thiếu hoá đơn: (12.034.840.000đ – 9.768.000.000đ) x 25% = 566.710.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty LP yêu cầu Công ty HN theo yêu cầu phản tố là 2.741.054.476 đồng

Công ty HN còn nợ công ty LP nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ngược lại còn kiện công ty LP trong khi không có bất cứ cơ sở nào.

Vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chấp yêu cầu phản tố của bị đơn để buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn toàn bộ số tiền còn nợ là 2.741.054.476 đồng

3. Người làm chứng ông Huỳnh Văn H1 trình bày:

Tôi là nhân viên của Công ty LP đóng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, vào thời điểm chuẩn bị thi công gói thầu 03. Vào khoảng tháng 11/2013 tôi được lãnh đạo Công ty LP giao nhiệm vụ chỉ huy trưởng công trường: Gói thầu 03 thi công xây dựng đoạn Km1805 Km1810 thuộc dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Km 1793+600 đến Km1824, tỉnh Đắk Nông.

Quá trình ký kết hợp đồng xây dựng giữa Công ty LP và Công ty HN diễn ra như thế nào thì tôi không được biết nhưng trong quá trình thi công đoạn đường từ Km1808 đến Km1810, Công ty HN thi công với các hạng mục nền đường, móng cấp phối đá dăm và hệ thống thoát nước trên 02 Km ấy còn lại phần mặt đường bê tông nhựa thì không thi công.

Thời gian tôi chỉ huy thi công thì tôi có ký xác nhận khối lượng thi công nghiệm thu thanh toán từng đợt cho chung gói thầu. Hiện nay tôi không nhớ rõ hết khối lượng Công ty HN đã thi công và công trình đã nghiệm thu đưa vào sử dụng từ tháng 7/2015. Công ty HN khởi kiện Công ty LP về vấn đề tài chính tôi đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

4. Quá trình giải quyết vụ án người đại diện Công ty TNHH đầu tư xây lắp đặt công trình TM trình bày:

Tháng 12/2013, Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng lắp đặt công trình TM (Công ty TM) có ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số 03/2013/HĐXD với Công ty trách nhiệm hữu hạn LP để thi công gói thầu số 03 "Thi công xây dựng đoạn Km1805 đến km1810 thuộc dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Km1793 + 600 đến Km 1824 tỉnh Đắk Nông theo hình thức BOT". Sau khi ký hợp đồng với Công ty LP để thi công đoạn

Km1805 đến Km1810 thì đến tháng 7/2015 Công ty TM tiến hành nghiệm thu công trình toàn tuyến và đưa vào sử dụng.

Đến ngày 30/6/2019, Công ty TM đã tiến hành thanh quyết toán xong cho Công ty LP.

Việc Công ty LP ký với Công ty HN hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2013/HĐXD ngày 20/12/2013 để thi công xây dựng đoạn Km 1808 đến Km 1810 thuộc gói thầu số 3 như thế nào thì Công ty TM không biết vì Công ty TM chỉ ký hợp đồng với Công ty LP nên trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TM không biết công ty nào khác ngoài Công ty LP.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty HN thì Công ty TM không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do không liên quan nên Công ty TM từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột trong quá trình giải quyết vụ án trên.

** Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 10/2020/KDTM-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 165; Điều 220; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 401; Điều 403; Điều 418 Điều 429 Bộ luật dân sự.

- Điều 113, Điều 114 Luật xây dựng

- Điều 306 Luật thương mại

- Khoản 1, 2, 4, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần HN: Buộc Công ty TNHH LP trả cho Công ty cổ phần HN số tiền 4.762.993.581 đồng (trong đó: Tiền gốc: 3.261.765.849 đồng, tiền lãi: 1.501.227.732 đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần HN đối với số tiền 4.238.826.264 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH LP: Buộc công ty cổ phần HN trả số tiền cho Công ty TNHH LP số tiền 1.573.748.498 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần HN đối với số tiền 292.445.760 đồng

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của Công ty TNHH LP đối với yêu cầu buộc nguyên đơn phải thanh toán: chi phí công trình và phần làm chung; thuế VAT xuất thiếu so với giá trị thực hiện; thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối trừ nghĩa vụ Công ty TNHH LP còn phải trả cho Công ty cổ phần HN số tiền 3.189.245.083 đồng

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Công ty cổ phần HN phải chịu 113.812.575 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà Công ty cổ phần HN đã nộp là 57.395.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0008048 ngày 11/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Công ty cổ phần HN còn phải chịu số tiền 56.417.575 đồng

+ Công ty TNHH LP phải chịu 113.055.439 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà Công ty TNHH LP đã nộp là 43.411.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0001868 ngày 01/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Công ty TNHH LP còn phải chịu số tiền 69.644.439 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/9/2020, bị đơn Công ty LP kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung đơn phản tố và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá, lập luận Kiểm sát viên cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, xác định sai tư cách và không đưa người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, mà tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1, 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn – Hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 10/2020/KDTM-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết vụ án lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 11/12/2013, Công ty TM và Công ty LP ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 03/2013/HĐXD, về việc thi công gói thầu số 3, thi công xây dựng đoạn Km1805 đến 1810 thuộc dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn KM 1793 + 600 đến KM 1824 tỉnh Đắk Nông theo hình thức BOT. Sau khi ký hợp đồng với Công ty TM, ngày 20/12/2013 Công ty LP và Công ty HN ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2013/HĐXD để thi công một phần gói thầu số 3 nêu trên cụ thể thi công xây dựng đoạn Km1808 đến 1810.

Nguyên đơn cho rằng, sau khi ký kết hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ thi công xong đoạn Km1808 đến Km1810 theo hợp đồng đã ký kết và bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng từ tháng 7/2015 nhưng Công ty LP vẫn chưa quyết toán xong khoản tiền thi công công trình mà Công ty HN đã thực hiện theo hợp đồng. Vì vậy, Công ty HN khởi kiện yêu cầu công ty LP phải thanh toán số tổng số tiền 6.817.074.670 đồng và lãi chậm trả trên số nợ gốc theo lãi suất ngân hàng. Cụ thể là:

- Giá trị công trình hoàn thành theo hợp đồng ký kết giữa hai bên đã được chủ đầu tư phê duyệt là 12.099.608.000 đồng (nguyên đơn được hưởng 98% tương ứng với số tiền 11.857.615.840 đồng;

- Phần giá trị chênh lệch mà công ty HN được hưởng từ khối lượng phát sinh do làm chung với công ty LP là 567.925.113 đồng.

Số tiền mà Công ty TNHH LP phải thanh toán cho Công ty cổ phần HN là 11.857.615.840 + 567.925.113 đồng = 12.425.540.953 đồng.

Phần công ty TNHH LP đã thanh toán cho Công ty cổ phần HN qua 03 lần tổng cộng là 5.608.466.283 đồng theo 03 Biên bản đối chiếu và xác nhận nợ vào các ngày 29/8/2014, 14/11/2014, 04/02/2015.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, Công ty LP không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty HN, đồng thời có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty HN phải trả cho công ty LP toàn bộ số tiền còn nợ là 2.741.054.476 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty LP, thì thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm thu thập và đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ dẫn đến việc giải quyết vụ án chưa khách quan, toàn diện. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, nguyên đơn chỉ trình bày tổng số tiền đã được bị đơn thanh

toán và cung cấp một số tài liệu, chứng cứ để chứng minh, nhưng lại không nêu cụ thể và không phân tích rõ các khoản giá trị nghiệm thu theo từng đợt, từng giai đoạn, cũng như sự chênh lệch thay đổi đơn giá, khối lượng, giá thi công…để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải yêu cầu đương sự cung cấp toàn bộ tài liệu, chứng cứ và giải trình rõ từng đợt nghiệm thu, quyết toán công trình, làm rõ lý do vì sao nguyên đơn cho rằng lần quyết toán cuối cùng thì bị đơn không hợp tác để cùng bàn bạc giải quyết, đồng thời cần phải thực hiện việc đối chất lời khai của các đương sự còn mâu thuẫn kể cả nội dung quyết toán của từng đợt, từng giai đoạn và khối lượng công trình phát sinh mà nguyên đơn nêu ra là có căn cứ hay không, thì mới đánh giá chứng cứ và nhận định để giải quyết vụ án được đầy đủ, toàn diện. Ngoài ra, tại thời điểm thi công công trình còn có đơn vị giám sát thi công là Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình Z cùng thực hiện giám sát, nghiệm thu công trình từng giai đoạn thể hiện tại các biên bản mà đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án, nhưng cấp sơ thẩm không đưa Công ty này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là hoàn toàn thiếu sót. Trong khi đó bị đơn cho rằng, sau khi có biên bản đối chiếu xác nhận nợ ngày 04/02/2015 thì nguyên đơn không còn thi công công trình nào cho phía bị đơn nữa, nên cần làm rõ thực tế hợp đồng thi công công trình giữa các bên kết thúc từ thời điểm nào và yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp thêm bản giải trình khối lượng và giá trị hợp đồng xây lắp cùng các tài liệu liên quan, tuy nhiên các tài liệu này chỉ có phía nguyên đơn ký, mà không có xác nhận của phía bị đơn, đồng thời nguyên đơn cho rằng tài liệu hồ sơ liên quan này đã được đối chiếu xác nhận và giao cho bị đơn để bị đơn quyết toán với Công ty TM. Vì vậy, cần thiết phải đưa Công ty TM vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 6 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về Hợp đồng thi công công trình ngày 20/11/2009 giữa Công ty LP và Công ty HN. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, không nhận định rõ lý do vì sao thời hiệu khởi kiện đã hết đối với phần yêu cầu thanh toán chi phí công trình và phần việc làm chung 3% theo hợp đồng, thuế VAT xuất thiếu so với giá trị thực hiện, thuế thu nhập doanh nghiệp và lý do thời hiệu khởi kiện vẫn còn đối với một phần yêu cầu phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy, cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tố tụng đối với Công ty TM, không đưa Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình Z tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu sót, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Đồng thời, việc thu thập tài liệu, chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ, chưa đối chất để làm rõ lời trình bày còn mâu thuẫn với số liệu mà các bên đương sự cung cấp và chưa đánh giá đầy đủ các tài liệu, chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung được. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1, khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH LP – Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2020/DSST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Sẽ được xác định lại khi giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.
- Án phí phúc thẩm: Bị đơn Công ty TNHH LP không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH LP số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2019/0012968 ngày 30/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS thành phố B;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Kim Khánh